

Số:1876 /CQLXD-QLXD1

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2021

V/v: Thông báo kết quả thẩm định dự toán gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) thuộc tuyến nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

Kính gửi: Ban Quản lý dự án 2

Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông (Cục QLXD) nhận được Tờ trình số 172/TTr-BQLDA ngày 05/7/2021 của Ban Quản lý dự án 2 (Ban QLDA2) về việc thẩm định dự toán gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) thuộc tuyến nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019 /QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 và số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng; số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng; số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng; số 17/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 hướng dẫn đo bóc khối lượng xây dựng công trình; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Giao thông vận tải: số 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018 và số 1630/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2019 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ; số 268/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2020, số 1881/QĐ-BGTVT ngày 01/10/2020 và số 380/QĐ-BGTVT ngày 15/3/2021 về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc;

Xét Quyết định số 103/QĐ-BQLDA2 ngày 18/6/2021 của Ban QLDA 2 về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật Gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn tuyến Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) tuyến nối Nghĩa Lộ, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc; Báo cáo thẩm tra dự toán số 1775/VKT.ĐTh ngày 02/7/2021 của Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng (Tư vấn thẩm tra hồ sơ dự toán); Tờ trình số 172/TTr-BQLDA2 ngày 05/7/2021 của Ban QLDA2 về việc thẩm định dự toán gói thầu XL-09, Dự án Kết nối giao

thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

Thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan chuyên môn về xây dựng và Cơ quan tham mưu của Bộ GTVT, Cục QLXD thông báo kết quả thẩm định Hồ sơ dự toán gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) thuộc tuyến nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình: Gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) thuộc tuyến nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp III (đường cấp IV miền núi).

3. Tên dự án đầu tư xây dựng: Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

4. Địa điểm xây dựng: Huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

5. Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải;

6. Đơn vị tổ chức quản lý và thực hiện dự án: Ban QLDA 2.

7. Giá trị dự toán gói thầu trình thẩm định: 343.919.977.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

8. Nguồn vốn đầu tư: vốn vay ODA, vốn đối ứng, vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc (chương trình Aus4Transport cho công tác thiết kế kỹ thuật).

9. Đơn vị quản lý thực hiện Thiết kế kỹ thuật: Nhà thầu quản lý chương trình Aus4Transport (Công ty DT Global Australia Pty, Ltd).

10. Nhà thầu lập dự toán xây dựng: Công ty SMEC International Pty Ltd (SMEC).

11. Nhà thầu thẩm tra dự toán xây dựng (TVTT): Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

1. Văn bản pháp lý

- Các Quyết định số 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018, số 1630/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2019 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ;

- Các Quyết định số 268/QĐ-BGTVT ngày 26/02/2020, số 1881/QĐ-BGTVT ngày 01/10/2020, số 380/QĐ-BGTVT ngày 15/3/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc;

- Văn bản số 599/CQLXD-QLXD1 ngày 23/3/2021 thông báo kết quả thẩm định (lần 1); văn bản số 1111/CQLXD-QLXD1 ngày 12/5/2021 thông báo kết quả thẩm định (lần 2) và văn bản số 1288/CQLXD-QLXD1 ngày 27/5/2021 của Cục QLXD & CL CTGT về việc thông báo kết quả thẩm định bổ sung hồ sơ TKKT gói thầu XL-09 thuộc Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc;

- Quyết định số 103/QĐ-BQLDA2 ngày 18/6/2021 của Ban QLDA 2 về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật Gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn tuyến Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) tuyến nối Nghĩa Lộ, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc;

- Tờ trình số 172/TTr-BQLDA2 ngày 05/7/2021 của Ban QLDA2 về việc thẩm định dự toán gói thầu XL-09, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc;

- Báo cáo thẩm tra dự toán số 1775/VKT.ĐTh ngày 02/7/2021 của Viện Kinh tế xây dựng - Bộ Xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra dự toán thiết kế kỹ thuật Gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) tuyến nối Nghĩa Lộ, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc.

2. Danh mục hồ sơ dự toán

- Thuyết minh lập dự toán;
- Hồ sơ dự toán chi tiết;
- Thông báo giá của địa phương; báo giá vật liệu các loại của các nhà cung cấp; giá một số hạng mục của công trình tương tự;
- Hồ sơ TKKT, các sơ đồ mỏ vật liệu, bãi thải, vị trí trạm trộn BTXM, BTN...
- Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán.

3. Năng lực hoạt động của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình

a) Tổ chức, cá nhân lập dự toán gói thầu

- Tổ chức quản lý và thực hiện thiết kế kỹ thuật theo chương trình Aus4transport (viện trợ không hoàn lại do Chính phủ Úc tài trợ): Công ty DT Global Australia Pty, Ltd, hoạt động theo Quyết định cấp phép số 47/2019/QĐ-HĐXD ngày 01/8/2019;

- Tư vấn lập dự toán gói thầu: Thực hiện theo quy định của Nhà tài trợ theo Hợp đồng số 02/STRA ngày 11/11/2019 giữa Công ty DT Global Australia Pty, Ltd và Công ty Smec International Pty Limited. Công ty Smec International Pty Limited hoạt động theo Quyết định cấp phép số 12/2020/QĐ-HĐXD ngày 22/01/2020 của Cục Quản lý hoạt động xây dựng Bộ Xây dựng cấp.

b) Tổ chức, cá nhân thẩm tra dự toán

- Viện Kinh tế xây dựng là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Xây dựng thực hiện các chức năng quy định tại Quyết định số 97/QĐ-BXD ngày 25/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, có Chứng chỉ năng lực quản lý chi phí đầu tư xây dựng Hạng I số BXD-00000784 do Cục Quản lý hoạt động xây dựng cấp ngày 24/5/2018, có hiệu lực đến ngày 26/4/2022;

- Chủ trì thẩm tra dự toán: Nguyễn Thị Thu Hương có Chứng chỉ định giá Hạng 1 số BXD-00030939 do Bộ Xây dựng cấp ngày 19/7/2018, có hiệu lực đến ngày 19/7/2023;

- Cá nhân thẩm tra dự toán: Ông Lê Văn Thành có Chứng chỉ định giá xây dựng Hạng II số HAN-00034746 do Sở xây dựng Hà Nội cấp ngày 14/8/2018, có hiệu lực đến ngày 14/8/2023;

- Cá nhân thẩm tra dự toán: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền có chứng chỉ kỹ sư định giá xây dựng Hạng 1 số BXD-00030829 do Bộ Xây dựng cấp ngày 19/7/2018, có hiệu lực đến ngày 19/7/2023;

- Cá nhân thẩm tra dự toán: Phạm Xuân Hoàn có Chứng chỉ định giá xây dựng Hạng II số HAN-00034727 do Sở xây dựng Hà Nội cấp ngày 14/8/2018, có hiệu lực đến ngày 14/8/2023.

4. Nội dung dự toán trình thẩm định

4.1. Phương pháp lập dự toán

Dự toán được lập theo quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Thông tư có

liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng. Trong đó:

- Khối lượng lập dự toán: Khối lượng trong hồ sơ dự toán do Tư vấn thiết kế lập trên cơ sở Hồ sơ thiết kế kỹ thuật gói thầu XL-09 đã được Ban QLDA 2 phê duyệt tại Quyết định số 103/QĐ-BQLDA2 ngày 18/6/2021; TVTT thực hiện thẩm tra và báo cáo Kết quả thẩm tra tại Báo cáo số 1775/VKT.ĐTh ngày 02/7/2021; Ban QLDA 2 kiểm tra, rà soát chấp thuận trình Cục QLXD thẩm định tại Tờ trình số 172/TTr-BQLDA ngày 05/7/2021;

- Hệ thống định mức xây dựng: Áp dụng hệ thống định mức do Bộ Xây dựng công bố kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019; một số công việc không có trong hệ thống định mức kèm theo Thông tư số 10/2019/TT-BXD được tham khảo, áp dụng định mức đã được cơ quan có thẩm quyền ban hành;

- Giá nhân công xây dựng: xác định theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

- Giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng: xác định theo quy định tại Thông tư số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng;

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: xác định theo quy định tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

- Cước vận chuyển: được Tư vấn thiết kế tính toán trên cơ sở Văn bản số 1234/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 22/3/2016 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam về việc phân loại đường để tính cước vận tải đường bộ năm 2016; Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 18/9/2012 của UBND tỉnh Yên Bái về việc công bố xếp loại đường bộ địa phương trên địa bàn tỉnh Yên Bái để xác định giá cước vận tải đường bộ năm 2012; Quyết định số 1409/QĐ-UBND ngày 19/9/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về ban hành đơn giá cước vận chuyển hàng hóa bằng ô tô trên địa bàn tỉnh Yên Bái (vận dụng).

- Giá vật liệu, nhiên liệu:

+ Giá vật liệu lấy theo Văn bản số 1212/SXD-KT ngày 03/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái về công bố giá vật liệu xây dựng tháng 6 và Văn bản số 1295/SXD-KT ngày 8/6/2021 về việc công bố giá một số loại vật liệu xây dựng chủ yếu có biến động giá. Một số vật liệu không có trong công bố giá của địa phương, TVTK so sánh, lựa chọn giữa các báo giá của các nhà cung cấp cho TVTK. Một số vật liệu phụ, vật tư không có trong công bố giá, báo giá của nhà cung cấp, nhà sản xuất lấy theo Bộ đơn giá xây dựng cơ bản của địa phương;

+ Giá của một số loại vật liệu như cát, đá, sỏi,... được so sánh lựa chọn trên cơ sở giá vật liệu từ các mỏ vật liệu sau khi đã tính cộng cả chi phí vận chuyển đến chân công trình để đưa vào dự toán. Trong đó, chi phí vận chuyển các loại vật liệu đến chân công trình được xác định trên cơ sở so sánh định mức vận chuyển ban hành tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD và sử dụng cước vận chuyển do địa phương công bố tương ứng với cự ly, loại đường vận chuyển;

+ Giá vật liệu đất đắp tại mỏ được tính theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc công bố các Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

+ Giá nhựa đường được lấy theo báo giá của nhà cung cấp, nhập khẩu tại thời điểm lập, thẩm tra dự toán sau khi tính cộng cả chi phí vận chuyển.

- Giá nhân công xác định theo Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 24/6/2020 của

Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Giá ca máy xác định theo Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 01/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc công bố đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

- Các chi phí khác: xác định theo hướng dẫn tại các Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 và Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 của Bộ Xây dựng. Trong đó, chi phí đảm bảo an toàn giao thông, xây dựng kho bãi chứa vật liệu, nhà bao che cho máy, nền móng máy được xác định bằng phương pháp lập dự toán chi tiết.

4.2. Giá trị dự toán trình thẩm định: 343.919.977.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi ba tỷ, chín trăm mười chín triệu, chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 306.892.893.840 đồng;
- Chi phí tư vấn khảo sát, TK BVTC: 10.377.493.760 đồng;
- Chi phí khác: 8.614.852.404 đồng;
- Chi phí dự phòng: 18.034.737.046 đồng.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN XÂY DỰNG

1. Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng; các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình; kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức tư vấn (*điểm a khoản 3 Điều 13 và điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

a) Sự đầy đủ, tính hợp lệ của hồ sơ trình thẩm định dự toán xây dựng

Hồ sơ dự toán trình bao gồm các tập hồ sơ, tài liệu đã nêu tại điểm 2 Mục II nêu trên, được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, đã được TVTK, TVTT, Ban QLDA 2 ký và đóng dấu xác nhận.

b) Các căn cứ pháp lý để xác định dự toán xây dựng công trình

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14; Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 và Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 09/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về ban hành định mức xây dựng; số 11/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 về hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công; số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 thông tư có liên quan đến quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Các Văn bản hợp nhất của Bộ Xây dựng: Số 14/VBHN-BXD ngày 14/10/2020 hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/VBHN-BXD ngày 06/10/2020 hướng dẫn xác định đơn giá nhân công xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật gói thầu XL-09 đã được Ban QLDA 2 phê duyệt tại Quyết định số 103/QĐ-BQLDA2 ngày 18/6/2021;

- Các văn bản của địa phương công bố đơn giá nhân công, đơn giá ca máy, đơn giá vật liệu, một số báo giá của nhà sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị;

- Các văn bản quy định pháp luật liên quan.

c) Kiểm tra kết quả thẩm tra dự toán xây dựng công trình của tổ chức TVTT

Báo cáo kết quả thẩm tra dự toán được lập theo quy định, có ký, xác nhận của các cá nhân, tổ chức thẩm tra dự toán; giá trị dự toán sau thẩm tra là 325.978.756.000 đồng (chi tiết thể hiện tại kết quả thẩm tra số 1775/VKT.ĐTh ngày 02/7/2021).

2. Sự phù hợp của dự toán gói thầu xây dựng với tổng mức đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; phương pháp xác định dự toán xây dựng (*điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

a) Sự phù hợp của dự toán gói thầu với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt

Giá trị dự toán trình là 343.919.977.000 đồng (bao gồm chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là 10.377.493.760 đồng được lấy trong chi phí thiết kế bản vẽ thi công tương ứng của tổng mức đầu tư); giá gói thầu XL-09 trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu (các Quyết định: số 1881/QĐ-BGTVT ngày 01/10/2020 và số 380/QĐ-BGTVT ngày 15/3/2021 của Bộ GTVT) là 442.682.000.000 đồng được phân khai từ TMĐT dự án được duyệt.

Theo báo cáo của Ban QLDA 2 tại Văn bản số 175/BQLDA2-PID5 ngày 04/02/2021, tổng chi phí khảo sát và lập TK BVTC trong TMĐT dự án được tạm tính theo Quyết định 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018 của Bộ GTVT là 40 tỷ đồng (bao gồm cả dự phòng) cho 11 gói thầu thuộc Dự án. Để đảm bảo không vượt TMĐT dự án được duyệt, Cục Quản lý xây dựng & CL CTGT đã có Văn bản số 1617/CQLXD-QLXD1 ngày 25/6/2021 đề nghị Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo Tư vấn thiết kế làm rõ cơ sở xác định dự toán đối với chi phí này, nguồn vốn thực hiện hạng mục công tác khảo sát địa chất, địa hình bổ sung (trong trường hợp còn lại của chi phí Tư vấn xây dựng vượt không đủ để thực hiện khảo sát địa chất, địa hình bổ sung). Ngày 13/7/2021, Ban QLDA 2 có Văn bản số 1100/BQLDA2-PID1 đề xuất tạm tính chi phí khảo sát bổ sung bước TK BVTC cho gói thầu XL-09 là 1.368.000.000 đồng.

Như vậy, dự toán gói thầu số XL-09 trình, sau khi điều chỉnh chi phí khảo sát bổ sung tại bước TK BVTC theo Văn bản số 1100/BQLDA2-PID1 ngày 13/7/2021 của Ban QLDA 2 không làm vượt TMĐT dự án được duyệt.

b) Phương pháp xác định dự toán xây dựng

Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc do Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) và Chính phủ Úc tài trợ được Bộ GTVT phê duyệt tại Quyết định số 2034/QĐ-BGTVT ngày 17/9/2018; Quyết định số 1630/QĐ-BGTVT ngày 30/8/2019 (thời điểm hiệu lực của Nghị định số 32/2015/NĐ-CP của Chính phủ) nhưng do Dự án chưa triển khai vì vậy các hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng tiếp theo (công tác TKKT sử dụng nguồn vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Úc do Nhà thầu tư vấn quản lý chương trình Aus4Transport quản lý thực hiện); một số hoạt động quản lý chi phí đầu tư xây dựng được thực hiện tại thời điểm Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ có hiệu lực và đã thực hiện theo quy định tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

Ngày 09/02/2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 10/2021/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng (có hiệu lực từ ngày 09/02/2021). Theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, việc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng (trừ nội dung thẩm định, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt chi phí đầu tư xây dựng) tiếp tục thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chi phí đầu tư xây dựng đang áp dụng cho dự án (Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ).

Như vậy, dự toán trình được lập theo hướng dẫn tại Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 09/2019/TT-BXD, Thông tư số 02/2020/TT-BXD và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 68/2019/NĐ-CP của Bộ Xây dựng là phù hợp.

3. Sự phù hợp của nội dung dự toán xây dựng theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP với các nội dung và yêu cầu của dự án (*điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

Nội dung dự toán trình phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và khoản 2 Điều 11 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

- Chi phí xây dựng gồm: Các hạng mục công tác chuẩn bị, nền đường, mặt đường, đường giao dân sinh, sửa chữa hư hỏng mặt đường cũ, hệ thống thoát nước, công trình phòng hộ, an toàn giao thông. Các khoản mục chi phí nêu trên được xác định bằng cách lập dự toán căn cứ công việc cần thực hiện, khối lượng từ thiết kế và các đơn giá, định mức theo quy định.

- Các chi phí tư vấn đầu tư xây dựng gồm chi phí khảo sát địa chất bổ sung, khảo sát địa hình và mặt đường, chi phí thiết kế bản vẽ thi công.

- Chi phí khác gồm chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường; trạm biến áp phục vụ thi công; chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công; chi phí tháo dỡ một số loại máy; chi phí kho bãi chứa vật liệu,...

4. Sự phù hợp, đầy đủ của việc xác định khối lượng công tác xây dựng, chủng loại và số lượng thiết bị tính toán trong dự toán xây dựng công trình so với thiết kế (*điểm c khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

- Khối lượng trong hồ sơ dự toán do Tư vấn thiết kế lập trên cơ sở Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Ban QLDA 2 phê duyệt tại Quyết định số 103/QĐ-BQLDA2 ngày 18/6/2021; TVTT thực hiện thẩm tra và báo cáo Kết quả thẩm tra tại Văn bản số 1775/VKT.ĐTh ngày 02/7/2021; Ban QLDA 2 kiểm tra, rà soát chấp thuận trình Cục QLXD thẩm định. Ban QLDA 2 chịu trách nhiệm về sự phù hợp, đầy đủ, chính xác của các khối lượng công tác xây dựng, chủng loại, số lượng thiết bị trong dự toán và các yêu cầu kỹ thuật do mình xác định; tiếp tục kiểm tra, rà soát khối lượng trong hồ sơ dự toán gói thầu phù hợp với bảng tổng hợp khối lượng, khối lượng chi tiết trong hồ sơ thiết kế kỹ thuật được duyệt trước khi phê duyệt dự toán.

- Về vị trí trạm trộn BTN, BTXM và cự ly vận chuyển BTN, BTXM: Tại bước TKKT, TVTK căn cứ vào điều kiện địa hình và yêu cầu đảm bảo hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, dự kiến đặt trạm trộn BTN, BTXM tại vị trí Km11+000 làm cơ sở xác định cự ly vận chuyển BTN, BTXM trong dự toán gói thầu. Trong quá trình thi công, Ban QLDA 2 chỉ đạo Nhà thầu các bên liên quan thỏa thuận với chính quyền và các cơ quan chức năng địa phương để xác định chính thức các vị trí lắp đặt trạm trộn BTN, BTXM theo quy định trước khi triển khai lắp đặt trạm trộn BTN, BTXM tại hiện trường.

- Đối với khối lượng đào, đắp đất nền đường: Theo báo cáo của Ban QLDA 2 và TVTK, hồ sơ khảo sát địa chất bước TKKT (thực hiện theo đề cương khảo sát thiết kế do Tư vấn PMC phê duyệt) chưa có các thí nghiệm về chỉ tiêu cơ lý của vật liệu đất nền nguyên thổ, chỉ thực hiện các thí nghiệm tại hố đào trên nền đường cũ và các mỏ đất dọc tuyến; kết quả thí nghiệm chỉ tiêu CBR đất nền tại hố đào trên nền đường cũ và các mỏ đất dọc tuyến không đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật của lớp đỉnh nền K98 (CBR<6%) nên TVTK không xét đến việc tận dụng đất từ nền đào để đắp lớp đỉnh nền K98 (chỉ xem xét, tận dụng đất cấp 3 từ nền đào cho nền đường đắp K95). Ban QLDA 2, TVTK chịu trách nhiệm về sự phù hợp của việc không tận dụng đất đào để đắp K98 như đề xuất tại hồ sơ dự toán trình. Tuy nhiên, để quản lý chặt chẽ về chi phí đầu tư xây dựng, đề nghị Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo TVTK bổ sung quy định trong chỉ dẫn kỹ thuật và hồ sơ mời thầu để làm rõ khối lượng hạng mục đắp lớp đỉnh nền K98 đưa vào mời thầu được sử dụng bằng

vật liệu lấy từ mỏ đất; việc tận dụng đất từ nền đào đảm bảo yêu cầu để đắp lớp đỉnh nền K98 (khối lượng đắp lớp đỉnh nền K98 bằng vật liệu tận dụng, cày xới lu nền nền đường K98 và đơn giá thanh toán cho các khối lượng này) được xác định trong quá trình thi công sau khi có kết quả thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý của đất nguyên thổ. Trường hợp, đất từ nền đào đủ tiêu chuẩn để đắp lớp đỉnh nền K98, Ban QLDA 2 có trách nhiệm chỉ đạo Nhà thầu, Tư vấn giám sát xác định cụ thể phạm vi, khối lượng đắp nền đường K98 bằng đất tận dụng, khối lượng cày xới, lu nền lớp đỉnh nền đường đảm bảo độ chặt K98, cự ly vận chuyển đất tận dụng đắp K98,... lập và trình duyệt bổ sung đơn giá dự toán theo quy định làm cơ sở nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu nhằm giảm chi phí xây dựng.

- Đối với khối lượng đào đá: Hồ sơ dự toán trình xác định các khối lượng đào đá nền đường theo từng phương pháp thi công (phá đá nền đường bằng khoan nổ mìn; đào đá nền đường bằng máy đào gắn đầu búa thủy lực) theo tỷ lệ % của tổng khối lượng đào đá nền đường. Theo đề nghị của Cục QLXD khi thẩm định hồ sơ dự toán, Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo Tư vấn thiết kế căn cứ hồ sơ TKKT được duyệt, các quy định tại tiêu chuẩn TCVN 11676:2016 xác định cụ thể khối lượng đào đá nền đường theo từng biện pháp thi công (phá đá nền đường bằng khoan nổ mìn, máy khoan D76m; đào đá nền đường bằng máy đào gắn đầu búa thủy lực).

- Đối với khối lượng đóng cọc tre gia cố đất nền dưới móng cống: Đề nghị Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo TVTK kiểm tra, rà soát để xác định lại khối lượng hạng mục này phù hợp với TKKT được duyệt trên cơ sở so sánh, lựa chọn giữa phương án đóng cọc tre và phương án đào thay đất dưới móng cống. Đồng thời, rà soát lại việc phân cấp đất đào tại móng cống.

- Đối với khối lượng và thời gian tính khấu hao của hệ thống phụ trợ thi công cho kết cấu bê tông công hợp đồ tại chỗ: Đề nghị nghiên cứu phương án luân chuyển giữa các công hợp BTCT có cùng khẩu độ nhằm giảm chi phí sản xuất hệ thống phụ trợ thi công.

- Đối với nội dung dịch tài liệu: Hồ sơ trình tạm tính xác định khối lượng dịch tài liệu khoảng 300 trang, đơn giá dịch tài liệu là 150.000 đồng/trang, mỗi trang khoảng 350 từ phù hợp với quy định của Bộ Tài chính (Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ Tài chính). Đề nghị Ban QLDA 2 căn cứ khối lượng dịch tài liệu thực tế để nghiệm thu, thanh toán theo quy định.

- Về chi phí khảo sát bước TK BVTC: Theo hồ sơ trình, chi phí khảo sát địa chất, địa hình và mặt đường tạm tính với chi phí là 9.008.492.076 đồng (khảo sát địa hình, mặt đường là 1.778.122.600 đồng, khảo sát địa chất là 7.230.369.476 đồng) do chưa đủ cơ sở để xác định chính thức (chưa lập, phê duyệt đề cương khảo sát bước TK BVTC). Ngày 13/7/2021, Ban QLDA 2 có Văn bản số 1100/BQLDA2-PID1 đề xuất tạm tính chi phí khảo sát bổ sung bước TK BVTC cho gói thầu XL-09 là 1.368.000.000 đồng. Ban QLDA 2 chịu trách nhiệm về giá trị tạm tính cho chi phí khảo sát bước TK BVTC bảo đảm nguyên tắc tính đúng, tính đủ chi phí cần thiết thực hiện; chỉ đạo Nhà thầu lập đề cương, dự toán chi phí khảo sát bước TK BVTC để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định làm cơ sở triển khai thực hiện và nghiệm thu, thanh toán theo quy định.

- Về chi phí thiết kế bản vẽ thi công: Theo hồ sơ trình, tỷ lệ phần trăm (%) chi phí TK BVTC được xác định trên cơ sở chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) của gói thầu. Đề nghị Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo TVTK rà soát, xác định chi phí TK BVTC tuân thủ quy định tại Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng.

- Đối với chi phí dự phòng:

+ Chi phí dự phòng cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 5,0% trên tổng chi phí xây dựng, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác phù hợp với quy định tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng.

+ Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá dự toán trình lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2019/TT-BXD, được xác định trên cơ sở thời gian xây dựng dự kiến, kế hoạch phân bổ vốn hàng năm và chỉ số giá xây dựng. TVTK, TVTT, Ban QLDA 2 chịu trách nhiệm đối với đề xuất của mình về sự phù hợp của các số liệu, tính toán dự báo biến động giá, phương pháp xác định và tỷ lệ chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá đảm bảo phù hợp với thời gian thực hiện của gói thầu và chỉ số giá xây dựng, tuân thủ đúng quy định.

5. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng, giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố; về việc vận dụng, tham khảo dữ liệu về chi phí của công trình tương tự và các công cụ cần thiết khác để xác định dự toán xây dựng công trình (*điểm d khoản 3 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

a) Về định mức

Hồ sơ dự toán trình áp dụng các định mức được Bộ Xây dựng ban hành tại Thông tư số 10/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019, Thông tư số 02/2020/TT-BXD ngày 20/7/2020. Một số định mức chưa được ban hành trong các thông tư nêu trên được tham khảo theo các định mức đã được Bộ Xây dựng và Bộ GTVT ban hành.

Như vậy, việc áp dụng, tham khảo hệ thống định mức xây dựng để lập dự toán gói thầu phù hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 136 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung tại khoản 51 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14.

b) Về giá xây dựng công trình và các công cụ cần thiết khác theo quy định do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, công bố

Cách xác định giá vật liệu, nhân công, các máy, cước vận chuyển,... trong hồ sơ dự toán trình tại điểm 4.1 Mục II nêu trên cơ bản phù hợp quy định. Các nội dung đề nghị rà soát, điều chỉnh như sau:

- Về việc lựa chọn mỏ đất đắp: Theo hồ sơ khảo sát, hiện nay mỏ đất đắp chưa được cấp phép khai thác. Tư vấn thiết kế có trách nhiệm rà soát kết quả điều tra, khảo sát về mỏ đất đắp (trữ lượng, chất lượng, quy hoạch, cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác,...) đảm bảo tính khả thi của mỏ đất được lựa chọn để cung cấp vật liệu đất đắp cho gói thầu. Ban QLDA 2, Tư vấn thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khảo sát và đề xuất về vị trí mỏ đất đắp đưa vào hồ sơ dự toán đảm bảo kinh tế - kỹ thuật và tiến độ triển khai gói thầu.

- Về giá đất đắp:

+ Công bố giá vật liệu xây dựng của địa phương hiện tại không thể hiện giá đất đắp; giá vật liệu này chỉ có trong đơn giá XD/CB năm 2020 của tỉnh Yên Bái được UBND tỉnh Yên Bái ban hành theo Quyết định số 1952/QĐ-UBND ngày 01/09/2020. Theo ý kiến của Sở xây dựng tỉnh Yên Bái tại Văn bản số 1553/SXD-KT ngày 6/7/2021, giá vật liệu đất đắp trong đơn giá XD/CB năm 2020 của tỉnh Yên Bái là giá vật liệu tính đến chân công trình chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và áp dụng trong phạm vi vùng III (thành phố Yên Bái).

+ Tư vấn thiết kế đã so sánh giá đất đắp trong đơn giá XD/CB của địa phương nêu trên với giá đất đắp được tính toán trên cơ sở các chi phí tối thiểu để khai thác 1m³ đất đắp với giá tính tiền cấp quyền khai thác đất (khoáng sản) tính theo giá tính thuế tài nguyên do UBND tỉnh Yên Bái công bố (Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 21/12/2020) và kiến nghị lựa chọn giá vật liệu đất đắp trong đơn giá XD/CB năm 2020 của tỉnh Yên Bái cho gói thầu số

XL-09 (thấp hơn giá tính toán trên cơ sở các chi phí tối thiểu để khai thác 1m³ đất đắp).

- Về giá vật liệu CPĐD: Trong nội dung hồ sơ trình, đơn giá vật liệu CPĐD được lấy theo công bố giá của Sở Xây dựng Yên Bái (Mỏ đá HTQ, xã Đại Sơn, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái).

- Về đơn giá của rọ thép có đuôi neo để thi công hạng mục tường chắn “rọ đá”: Do nội dung hồ sơ trình chưa làm rõ lý do lựa chọn rọ thép bọc nhựa HDPE thay vì lựa chọn rọ thép bọc nhựa PVC (rọ thép bọc nhựa PVC và rọ thép bọc nhựa HDPE có cùng thông số về kích thước tổng thể rọ, tiết diện sợi thép, kích thước mắt lưới, cường độ chịu kéo của lưới thép; chỉ khác nhau về lớp mạ và vật liệu bọc lưới thép). Để đáp ứng tiến độ dự án, đảm bảo tiết kiệm kinh phí đầu tư (rọ thép bọc nhựa PVC có giá thành khoảng 50% so với rọ thép bọc nhựa HDPE), Cơ quan thẩm định đề nghị trước mắt sử dụng đơn giá rọ thép bọc nhựa PVC để đưa vào hồ sơ dự toán gói thầu số XL-09. Ban QLDA 2 tiếp tục chỉ đạo Tư vấn thiết kế nghiên cứu, bổ sung báo cáo giải trình về sự cần thiết lựa chọn rọ thép bọc nhựa HDPE trong hồ sơ TKKT và lựa chọn đơn giá rọ thép phù hợp để cập nhật vào hồ sơ dự toán gói thầu trước khi phê duyệt hoặc tại thời điểm 28 ngày trước ngày mở thầu (nếu có thay đổi). Lưu ý, trường hợp sử dụng đơn giá rọ thép bọc nhựa HDPE, Ban QLDA 2 cần thực hiện thẩm định giá do vật liệu này hiện nay chưa được sử dụng phổ biến tại các công trình giao thông do Bộ GTVT quyết định đầu tư.

- Về đơn giá lưới địa kỹ thuật: Hồ sơ dự toán trình, TVTK lấy theo giá vải địa kỹ thuật. Cơ quan thẩm định đã yêu cầu TVTK kiểm tra, rà soát và điều chỉnh cho phù hợp.

- Đến thời điểm hiện tại, Sở Xây dựng Yên Bái đã có Văn bản số 1508/SXD-KT ngày 30/6/2021 công bố giá vật liệu tháng 7/2021; Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex có thông báo số 336/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/7/2021 về giá nhựa đường; Petrolimex đã điều chỉnh giá nhiên liệu vào ngày 12/7/2021. Cơ quan thẩm định đã yêu cầu TVTK rà soát, cập nhật vào hồ sơ dự toán gói thầu XL-09.

6. Danh mục định mức dự toán mới, định mức dự toán điều chỉnh (nếu có) và phương pháp xác định; xác định danh mục các định mức cần tổ chức khảo sát trong quá trình thi công xây dựng (*điểm đ khoản 3 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP*)

Danh mục một số định mức dự toán điều chỉnh:

- Hạng mục sơn gờ giảm tốc dày 6mm: Ngoại suy từ định mức sơn dẻo nhiệt phản quang 3,2mm. LuatVietnam

- Hạng mục Đào đá cấp IV bằng máy đào áp dụng mã hiệu ĐP.0202 tại Quyết định số 1751/QĐ-BNN-XD ngày 1/8/2013 của Bộ NN&PT Nông thôn.

- Hạng mục nghiền sàng đất, sản xuất hỗn hợp cấp phối, phun hỗn hợp cấp phối trồng cỏ mái taluy áp dụng mã hiệu định mức LS.00001 tại quyết định số 1835/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn.

- Hạng mục thi công thảm, rọ đá: Vận dụng định mức làm và thả rọ đá AL.151 và ngoại suy theo kích thước rọ, giảm trừ nhân công đan rọ.

- Hạng mục lấp đặt biển báo: Đối với các biển có kích thước khác với kích thước có trong định mức, vận dụng theo các định mức cùng loại.

- Hạng mục tháo dỡ biển báo, cọc tiêu, cọc H và cọc Km, hộ lan vận dụng tính hao phí nhân công bằng 60% định mức lấp đặt.

7. Xác định giá trị dự toán xây dựng công trình đảm bảo tính đúng, tính đủ theo quy định; phù hợp với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng; phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, công nghệ xây dựng, điều kiện thi công, biện pháp thi công xây dựng định hướng, tiến độ thi

công trình và mặt bằng giá thị trường (điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP)

Giá trị dự toán Gói thầu XL-09 sau thẩm định như sau:

TT	Nội dung chi phí	Giá trị dự toán trình (VNĐ)	Giá trị dự toán thẩm định (VNĐ)	Chênh lệch: Tăng(+)/Giảm (-)
1	Chi phí xây dựng	306.892.893.840	292.059.701.576	-14.833.192.264
2	Chi phí tư vấn khảo sát, TK BVTC	10.377.493.760	2.332.102.134	-8.045.391.626
3	Chi phí khác	8.614.852.404	6.718.548.873	-1.896.303.531
4	Chi phí dự phòng	18.034.737.046	16.663.675.933	-1.371.061.113
Tổng cộng		343.919.977.000	317.774.029.000	-26.145.948.000

8. Phân tích, đánh giá mức độ, nguyên nhân tăng, giảm của các khoản mục chi phí so với giá trị dự toán xây dựng công trình đề nghị thẩm định (điểm d khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP)

Tổng giá trị dự toán gói thầu số XL-09 sau thẩm định giảm so với giá trị dự toán trình là 26.680.943.000 đồng. Trong đó có một số hạng mục giá trị dự toán sau thẩm định tăng so với giá trị trình. Cụ thể nguyên nhân như sau:

- a) Nguyên nhân giá trị dự toán một số hạng mục tăng so với giá trị dự toán trình
- Cập nhật bổ sung khối lượng mặt đường, đỉnh đất, đường tạm thi công công hợp Km12+410 (TVTK rà soát, cập nhật lại khối lượng theo TKKT được duyệt).
 - Bổ sung hệ số nở rời vật liệu đất đắp K98 (hồ sơ dự toán trình, Tư vấn thiết kế chưa xét đến hệ số nở rời của vật liệu đất đắp K98);
 - Bổ sung chi phí vận chuyển hộ lan cũ về nơi tập kết;
 - Điều chỉnh giá lưới địa kỹ thuật phù hợp với báo giá của nhà cung cấp do trong hồ sơ dự toán (TVTK lấy theo giá vải địa kỹ thuật);
 - Cập nhật giá vật liệu theo công bố số 1508/SXD-KT ngày 30/6/2021 của Sở Xây dựng Yên Bái; cập nhật giá nhựa đường theo thông báo số 336/CV-PLC.NĐ-TTPC ngày 01/7/2021 của Công ty TNHH nhựa đường Petrolimex;
 - Cập nhật giá nhiên liệu theo công bố giá ngày 12/7/2021 của Petrolimex;
- b) Nguyên nhân giá trị dự toán thẩm định giảm so với giá trị dự toán trình
- Tính lại chi phí khảo sát địa kỹ thuật và khảo sát địa hình; xác định lại chi phí TK BVTC theo chi phí xây dựng trong TMĐT; xác định lại định mức chi phí lán trại;
 - Không tính giá vật liệu cỏ trong hạng mục trồng cỏ mái ta luy do chưa đủ cơ sở xác định giá vật liệu cỏ;
 - Phân cấp lại đất đào hố móng tại các công phải xử lý nền đất dưới móng công; đồng thời điều chỉnh khối lượng đóng cọc tre sang đào thay đất đối với các công này;
 - Điều chỉnh định mức lấp đặt ván khuôn, cốt thép và đổ bê tông khung bê tông gia cố mái ta luy sang định mức lấp đặt ván khuôn, cốt thép và đổ bê tông móng;
 - Không tính khối lượng mạ kẽm đầu ren đỉnh đất để phù hợp với TKKT được duyệt;
 - Điều chỉnh giảm định mức hao phí nhân công đặt đá hộc vào rọ thép của công tác lấp đặt rọ đá;
 - Điều chỉnh khối lượng và bậc lương nhân công thực hiện công tác đảm bảo ATGT

trong quá trình thi công;

- Điều chỉnh công suất trạm biến áp phục vụ thi công để phù hợp với biện pháp thi công chủ đạo trong hồ sơ TKKT được duyệt;
- Tách riêng khối lượng bê tông, ván khuôn móng và thân tường chắn BTXM;
- Điều chỉnh hao phí đá học trong rọ đá neo; sửa đổi đơn giá vật liệu rọ đá neo;
- Tính lại khối lượng phụ trợ thi công các công hợp BTCT đổ tại chỗ do xét đến việc luân chuyển khối lượng phụ trợ thi công giữa các công hợp có cùng khẩu độ;
- Điều chỉnh đơn giá đỉnh phản quang (lấy theo theo gói thầu số XL-08);
- Điều chỉnh định mức đóng trụ hộ lan (vận dụng định mức đã được Bộ GTVT công bố áp dụng cho công trình hầm Phước Tượng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

9. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện dự toán xây dựng

- Giá trị dự toán gói thầu số XL-09 được Ban QLDA 2 trình cao hơn giá trị dự toán gói thầu số XL-09 do TVTT xác định tại Báo cáo thẩm tra dự toán số 1775/VKT.ĐTH ngày 02/7/2021. Do vậy, ngoài các ý kiến thẩm định nêu trên, đề nghị Ban QLDA 2 phối hợp với Tư vấn PMC chỉ đạo TVTK nghiên cứu các ý kiến của TVTT, kiểm tra, rà soát, cập nhật khối lượng, định mức, đơn giá,... trong hồ sơ dự toán gói thầu số XL-09 đảm bảo phù hợp với nội dung thẩm tra của TVTT để hoàn thiện hồ sơ dự toán gói thầu số XL-09 theo quy định trước khi phê duyệt.

- Ban QLDA 2 chỉ đạo TVTK, TVTT xác định chính thức đối với chi phí lắp đặt trạm biến áp phục vụ thi công.

IV. KẾT LUẬN

- Giá trị dự toán gói thầu số XL-09 được thẩm định trên cơ sở khối lượng, biện pháp thi công chỉ đạo do Tư vấn thiết kế lập, Tư vấn thẩm tra rà soát, Tư vấn PMC và Ban QLDA2 chấp thuận trình thẩm định. Ban QLDA2 chịu trách nhiệm về khối lượng trong hồ sơ dự toán trình duyệt. Trong đó: chi phí khảo sát địa chất, địa hình và mặt đường; chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường được tạm tính theo giá trị trình của Ban QLDA 2 do chưa đủ cơ sở để lập dự toán chi tiết.

- Hồ sơ dự toán gói thầu số XL-09, Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc sau khi chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định của Cục QLXD nêu trên và các ý kiến của Tư vấn thẩm tra, đủ điều kiện trình phê duyệt. Ban QLDA 2 có trách nhiệm:

+ Cập nhật bổ sung đầy đủ phiếu báo giá của các nhà cung cấp, các văn bản thỏa thuận với địa phương về vị trí bãi đổ vật liệu không thích hợp, vị trí trạm trộn BTN, sơ đồ, cự ly vận chuyển... vào hồ sơ dự toán để lưu, theo dõi và giải quyết các vấn đề có liên quan, đảm bảo tính pháp lý của hồ sơ dự toán.

+ Tiếp tục chỉ đạo TVTK, TVTT rà soát khối lượng trong hồ sơ dự toán đối chiếu với hồ sơ TKKT được phê duyệt. Trong quá trình rà soát, nếu có nội dung chưa phù hợp so với hồ sơ thiết kế, dự toán đã được thẩm định, Ban QLDA2 kịp thời xem xét, điều chỉnh hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh đảm bảo tính đúng, tính đủ chi phí xây dựng, tránh xảy ra phát sinh lớn trong quá trình thi công, tuân thủ quy định hiện hành;

+ Chỉ đạo Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ dự toán xây dựng và tiến hành phê duyệt theo uỷ quyền của Bộ GTVT;

+ Kiểm soát chặt chẽ chi phí xây dựng, không làm vượt Tổng mức đầu tư đã được phê duyệt; khi lập hồ sơ mời thầu cần lưu ý đặc biệt đến các chi phí tạm tính đảm bảo tuân

thủ đúng quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nội dung thẩm định của Cục QLXD nêu trên không thay thế và làm giảm trách nhiệm của Ban QLDA 2 (theo phân cấp, uỷ quyền của Bộ GTVT), Tư vấn thiết kế, Tư vấn thẩm tra và các tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định pháp luật.

Trên đây là thông báo kết quả thẩm định hồ sơ dự toán Gói thầu XL-09: Xây dựng đoạn Km0 - Km20 (Km0 - Km20+667 ĐT175) thuộc tuyến nối Nghĩa Lộ (Yên Bái) với cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc. Cục QLXD thông báo tới Ban QLDA 2 và các đơn vị liên quan làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- T.Tr Nguyễn Ngọc Đông (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các đơn vị liên quan (Ban QLDA 2 sao gửi);
- Lưu: VP, QLXD1.



Lê Quyết Tiên

PHỤ LỤC: DỰ TOÁN GÓI THẦU XL-09
Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc
(Kèm theo Thông báo thẩm định số /CQLXD-QLXD1 ngày /7/2021)

STT	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Diễn giải	Chi phí sau thuế
I	Chi phí xây dựng	Gxd		292.059.701.576
1	Công tác chuẩn bị	Gxd1	Theo dự toán chi tiết	138.081.149
2	Nền đường	Gxd2		106.031.075.453
3	Mặt đường	Gxd3		94.588.068.571
4	Đường giao dân sinh	Gxd4		3.619.482.049
5	Sửa chữa hư hỏng mặt đường cũ	Gxd5		1.413.442.867
6	Hệ thống thoát nước	Gxd6		72.698.933.736
7	Công trình phòng hộ	Gxd7		6.410.543.279
8	An toàn giao thông	Gxd8		7.160.074.473
II	Chi phí tư vấn khảo sát, TK BVTC	Gtv		2.332.102.134
1	Khảo sát bổ sung bước TK BVTC	Gtv1	Tạm tính	1.368.000.000
2	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	Gtv2	$0,4768\% * 0,55 * 1,2 * Gxd$	919.102.134
3	Dịch tài liệu	Gtv3	300 trang x 150.000 đồng/trang	45.000.000
III	Chi phí khác	Gk		6.718.548.873
1	Chi phí di chuyển máy, thiết bị thi công đặc chủng đến và ra khỏi công trường	Gk1	Tạm tính bằng $0,5\% * Gxd$	1.460.298.508
2	Trạm biến áp phục vụ thi công	Gk2	Dự toán	227.579.513
3	Nền, móng trạm trộn BTN	Gk3	Dự toán	264.754.078
4	Nền, móng trạm trộn BTXM	Gk4	Dự toán	155.613.772
5	Đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công	Gk5	Dự toán	4.610.303.002
IV	Chi phí dự phòng	Gdp		16.663.675.933
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	Gdp1	$5\% * (Gxd + Gtv + Gk)$	15.055.517.629
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	Gdp2	$0,53\% * (Gxd + Gtv + Gk)$	1.608.158.304
	TỔNG CỘNG			317.774.029.000